



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phượng Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY
VIỆT THẮNG
CTCP

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 16-01-297



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		603.925.705.416	581.426.131.571
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	14.249.966.517	30.006.998.955
Tiền	111		14.249.966.517	30.006.998.955
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.875.442.984	228.054.375.285
Phải thu khách hàng	131	7	240.634.585.137	216.147.465.884
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.084.812.410	3.017.320.943
Phải thu khác	136	8	3.910.331.107	8.889.588.458
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(754.285.670)	-
Hàng tồn kho	140	9	341.344.238.960	300.868.718.982
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.456.056.955	22.496.038.349
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.732.540.520	862.310.292
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.720.195.978	21.633.142.948
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.320.457	585.109

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		731.050.481.593	762.053.430.281
Tài sản cố định	220		598.421.434.331	601.720.469.161
Tài sản cố định hữu hình	221	10	598.421.434.331	601.720.469.161
Nguyên giá	222		1.060.205.565.817	1.021.178.429.043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(461.784.131.486)	(419.457.959.882)
Bất động sản đầu tư	230	11	33.745.082.033	353.640.215
Nguyên giá	231		60.600.678.414	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.855.596.381)	(26.083.038.199)
Tài sản dở dang dài hạn	240		408.784.617	61.427.142.111
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	408.784.617	61.427.142.111
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	94.049.470.627	94.049.470.627
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.100.000.000	9.100.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		4.425.709.985	4.502.708.167
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.425.709.985	4.502.708.167
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.334.976.187.009	1.343.479.561.852

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		800.498.587.628	862.102.769.970
Nợ ngắn hạn	310		612.218.564.408	636.984.636.701
Phải trả người bán	311	14	60.174.576.741	60.707.183.179
Người mua trả tiền trước	312		5.689.200.757	3.459.571.986
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.295.512.498	4.858.958.445
Phải trả người lao động	314		12.313.308.138	20.432.185.200
Chi phí phải trả	315		469.910.490	1.289.590.929
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	81.397.080.654	42.972.910.075
Vay ngắn hạn	320	17(a)	441.801.379.720	499.756.183.221
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.077.595.410	3.508.053.666
Nợ dài hạn	330		188.280.023.220	225.118.133.269
Vay dài hạn	338	17(b)	188.280.023.220	225.118.133.269
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		534.477.599.381	481.376.791.882
Vốn chủ sở hữu	410	18	534.477.599.381	481.376.791.882
Vốn cổ phần	411	19	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		268.018.049.531	214.917.242.032
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		212.226.140.124	203.095.203.862
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.791.909.407	11.822.038.170
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.334.976.187.009	1.343.479.561.852

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND (phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	811.300.724.244	877.978.614.793
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	221.216.500	96.035.900
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	811.079.507.744	877.882.578.893
Giá vốn hàng bán	11	24	724.893.089.707	791.669.394.621
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		86.186.418.037	86.213.184.272
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.028.568.300	2.883.315.654
Chi phí tài chính	22	26	13.157.426.709	21.492.323.093
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.516.450.033</i>	<i>13.325.610.780</i>
Chi phí bán hàng	24	27	7.494.180.866	4.905.312.041
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	23.810.951.809	22.742.701.537
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		46.752.426.953	39.956.163.255
Thu nhập khác	31	29	25.064.269.201	30.311.970
Chi phí khác	32		779.813.224	2.221.438.819
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		24.284.455.977	(2.191.126.849)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		71.036.882.930	37.765.036.406
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	15.244.973.523	13.180.817.808
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		55.791.909.407	24.584.218.598

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		71.036.882.930	37.765.036.406
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		43.659.264.323	40.721.175.675
Các khoản dự phòng	03		754.285.670	(276.634.802)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.938.189.177)	6.221.956.494
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(25.049.459.929)	(1.033.197.595)
Chi phí lãi vay	06		12.516.450.033	13.325.610.780
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		99.979.233.850	96.723.946.958
Biến động các khoản phải thu	09		(1.902.617.949)	(54.872.679.019)
Biến động hàng tồn kho	10		(40.475.519.978)	95.443.179.369
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		73.183.439.862	(41.466.485.879)
Biến động chi phí trả trước	12		(793.232.046)	(5.520.020.238)
			129.991.303.739	90.307.941.191
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.516.450.033)	(13.325.610.780)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.950.121.179)	(11.485.158.454)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.131.560.164)	(4.049.744.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		101.403.172.363	61.462.427.484

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(12.733.313.817)	(12.713.358.098)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.000.000	1.608.160.000
Tiền mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(23.000.000.000)
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	959.254.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		29.237.897.929	8.258.291.057
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		16.509.584.112	(25.387.653.041)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		542.322.531.464	582.137.608.136
Tiền trả nợ gốc vay	34		(634.543.122.530)	(589.678.512.239)
Tiền trả cổ tức	36		(41.823.458.625)	(52.457.737.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(134.044.049.691)	(59.998.641.603)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(16.131.293.216)	(23.923.867.160)
Tiền đầu kỳ	60	6	30.006.998.955	58.869.488.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		374.260.778	36.174.561
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	14.249.966.517	34.981.796.236

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1.339 nhân viên (1/1/2016: 1.445 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh 4(a).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 38 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 8 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 5 – 9 năm |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 8 – 16 năm

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	705.202.766.006	731.051.545.463	105.876.741.738	146.831.033.430	811.079.507.744	877.882.578.893
Chi tiêu vốn	12.733.313.817	12.713.358.098	-	-	12.733.313.817	12.713.358.098
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	1.334.976.187.009	1.343.479.561.852	-	-	1.334.976.187.009	1.343.479.561.852

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	271.797.920	651.183.500
Tiền gửi ngân hàng	13.978.168.597	29.355.815.455
	14.249.966.517	30.006.998.955

7. Phải thu khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Quế Hương	21.999.133.442	30.530.348.917
Công ty TNHH Hyopshin	14.004.145.206	31.552.187.942
Các khách hàng khác	204.631.306.489	154.064.929.025
	240.634.585.137	216.147.465.884

(b) Phải thu khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con – Công ty Cổ phần May Việt Thắng	874.450.318	461.741.427
Công ty liên kết – Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	1.003.408.338	944.365.623
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	11.158.154.339	7.100.882.915
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	3.012.892.189	1.389.836.006
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	100.775.070	117.647.145
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	364.470.672	180.837.415

Khoản phải thu công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan	1.330.922.000	6.324.360.000
Tạm ứng	1.246.760.000	501.000.000
Ký cược, ký quỹ	396.480.000	698.727.290
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	153.119.430	20.903.905
Phải thu khác	783.049.677	1.344.597.263
	3.910.331.107	8.889.588.458
	3.910.331.107	8.889.588.458

Cổ tức phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/06/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	172.585.164
Tăng trong kỳ	754.285.670	404.600.327
	754.285.670	577.185.491
	754.285.670	577.185.491

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	14.675.897.295	13.428.139.483
Nguyên vật liệu	47.516.667.527	54.653.968.804
Công cụ và dụng cụ	117.598.331	68.230.337
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.147.935.996	44.974.580.100
Dự án đầu tư bất động sản Đặng Văn Bi	79.725.656.870	-
Thành phẩm	150.954.126.321	187.299.744.513
Hàng hóa	206.356.620	444.055.745
	<hr/>	<hr/>
	341.344.238.960	300.868.718.982
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	126.877.068.976	884.838.490.288	8.831.331.415	631.538.364	1.021.178.429.043
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	734.013.752	38.853.657.559	-	-	39.587.671.311
Thanh lý	-	(560.534.537)	-	-	(560.534.537)
Số dư cuối kỳ	127.611.082.728	923.131.613.310	8.831.331.415	631.538.364	1.060.205.565.817
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	49.836.008.107	362.763.798.269	6.415.291.308	442.862.198	419.457.959.882
Khấu hao trong kỳ	3.237.643.824	39.240.590.659	363.601.324	44.870.334	42.886.706.141
Thanh lý	-	(560.534.537)	-	-	(560.534.537)
Số dư cuối kỳ	53.073.651.931	401.443.854.391	6.778.892.632	487.732.532	461.784.131.486
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	77.041.060.869	522.074.692.019	2.416.040.107	188.676.166	601.720.469.161
Số dư cuối kỳ	74.537.430.797	521.687.758.919	2.052.438.783	143.805.832	598.421.434.331

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 164.213 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 151.066 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 329.090 triệu VND (1/1/2016: 355.820 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	26.436.678.414
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	34.164.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	60.600.678.414
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	26.083.038.199
Khấu hao trong kỳ	772.558.182
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	26.855.596.381
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	353.640.215
Số dư cuối kỳ	33.745.082.033
	<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	61.427.142.111	84.584.761.568
Tăng trong kỳ	12.733.313.817	12.713.358.098
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	(73.751.671.311)	(97.298.119.666)
Số dư cuối kỳ	408.784.617	-

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà kho xưởng cơ khí	-	24.230.000.000
Lò hơi	-	4.506.701.980
Máy kéo sợi con	-	32.690.440.131
Mở rộng kho thành phẩm	408.784.617	-
	408.784.617	61.427.142.111

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2016						1/1/2016					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				77.890.684.464	-	(*)				77.890.684.464	-	(*)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

				30/6/2016			1/1/2016					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)
				16.058.786.163	9.000.000.000	(*)				16.058.786.163	9.000.000.000	(*)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị khác	30/6/2016						1/1/2016					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	550.000	5,00%		5.500.000.000	-	(*)	550.000	5,00%		5.500.000.000	-	(*)
				9.100.000.000	-	(*)				9.100.000.000	-	(*)
				103.049.470.627	9.000.000.000	(*)				103.049.470.627	9.000.000.000	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/06/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.000.000.000	9.681.235.129
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(681.235.129)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.000.000.000	9.000.000.000

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Số có khả	Giá gốc	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	18.148.857.273	18.148.857.273	22.941.861.281	22.941.861.281
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	11.410.467.539	11.410.467.539	12.060.255.177	12.060.255.177
PT. Indorama Polychem Indonesia	11.383.971.849	11.383.971.849	8.586.270.212	8.586.270.212
Các nhà cung cấp khác	19.231.280.080	19.231.280.080	17.118.796.509	17.118.796.509
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	60.174.576.741	60.174.576.741	60.707.183.179	60.707.183.179

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An – công ty con	11.410.467.539	11.410.467.539	12.060.255.177	12.060.255.177
Công ty TNHH Dệt Việt Phú – bên liên quan khác	18.148.857.273	18.148.857.273	22.941.861.281	22.941.861.281

Khoản phải trả công ty con và bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được khấu trừ trong kỳ VND	Số chuyển từ thuế phải thu VND	Số chuyển sang thuế phải thu VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	78.634.534.079	(11.393.147.667)	(67.241.386.412)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	196.661.440	(199.396.788)	-	(585.109)	3.320.457	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.103.004.998	15.244.973.523	(13.950.121.179)	-	-	-	5.397.857.342
Thuế thu nhập cá nhân	749.183.767	1.693.942.788	(1.551.502.839)	-	-	-	891.623.716
Thuế tài nguyên	6.769.680	36.542.040	(37.280.280)	-	-	-	6.031.440
Tiền thuê đất	-	4.429.605.936	(4.429.605.936)	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-	-
	4.858.958.445	100.239.259.806	(31.564.054.689)	(67.241.386.412)	(585.109)	3.320.457	6.295.512.498

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	79.725.656.870	-
Cổ tức phải trả	405.005.000	42.228.463.625
Kinh phí công đoàn	332.758.340	252.783.110
Bảo hiểm xã hội	-	14.273.452
Các khoản phải trả khác	933.660.444	477.389.888
	<hr/>	<hr/>
	81.397.080.654	42.972.910.075

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	459.560.415.381	459.560.415.381	539.813.254.686	(608.595.643.987)	390.778.026.080	390.778.026.080
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	40.195.767.840	40.195.767.840	37.609.033.640	(26.781.447.840)	51.023.353.640	51.023.353.640
	499.756.183.221	499.756.183.221	577.422.288.326	(635.377.091.827)	441.801.379.720	441.801.379.720

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)				
Khoản vay	VND	4,6% - 4,8%	259.278.484.759	180.114.235.567
Khoản vay	USD	2,0%	24.013.171.280	30.390.302.436
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay	USD	1,9%	4.674.529.726	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)				
Khoản vay	VND	4,8%	12.917.482.795	98.878.954.392
Khoản vay	USD	1,9%	-	5.985.683.132
Ngân hàng Quốc Tế				
Khoản vay	VND	4,5%	11.332.476.144	-
Khoản vay	USD	1,9%	6.342.849.203	70.322.398.234
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay	USD	1,8%	10.332.762.479	22.134.282.394
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay	USD	2,0%	26.049.852.111	27.181.122.941
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay	VND	4,6%	31.609.260.655	24.553.436.285
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)				
Khoản vay	VND	1,9%	4.227.156.928	-
			390.778.026.080	459.560.415.381

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 212.956 triệu VND (1/1/2016: 227.178 triệu) (Thuyết minh 10).

(**) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 13.636 triệu VND (1/1/2016: 19.207 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	239.303.376.860	265.313.901.109
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)	(51.023.353.640)	(40.195.767.840)
	188.280.023.220	225.118.133.269

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016	1/1/2016
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	4,0%	2022	135.157.000.000	118.134.762.920
Ngân hàng Quốc Tế (**)	USD	4,1% - 4,3%	2020	104.146.376.860	147.179.138.189
				239.303.376.860	265.313.901.109

(*) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.125 VND (1/1/2015: 5.359 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(**) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 97.373 VND (1/1/2015: 104.076 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	213.861.483.226	480.321.033.076
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.584.218.598	24.584.218.598
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.516.279.364)	(9.516.279.364)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	227.679.422.460	494.138.972.310
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	29.237.819.572	29.237.819.572
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(42.000.000.000)	(42.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	214.917.242.032	481.376.791.882
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	55.791.909.407	55.791.909.407
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.691.101.908)	(2.691.101.908)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	268.018.049.531	534.477.599.381

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014, trong đó công ty đã tạm trích 51.250 triệu VND trong năm 2014 theo biên bản cuộc họp ngày 15 tháng 12 năm 2014.

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 42.000 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015, trong đó công ty đã tạm trích 42.000 triệu VND trong năm 2015 theo biên bản cuộc họp ngày 12 tháng 12 năm 2015.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	13.123	292.254.777	209.095	4.694.188.812

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	588.506.757.013	579.771.541.457
▪ Bán hàng hóa	200.234.185.060	274.910.585.448
▪ Bán phế liệu	9.031.738.480	11.769.428.922
▪ Cung cấp dịch vụ	7.238.727.550	6.368.423.734
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	6.289.316.141	5.158.635.232
	811.300.724.244	877.978.614.793
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	221.216.500	96.035.900
Doanh thu thuần	811.079.507.744	877.882.578.893

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Thành phẩm đã bán	510.422.631.770	500.468.393.219
Hàng hoá đã bán	197.083.907.245	273.187.374.682
Phế liệu đã bán	8.551.041.546	11.197.785.751
Dịch vụ đã cung ứng	6.408.522.061	5.560.370.409
Bất động sản đầu tư cho thuê	2.426.987.085	1.255.470.560
	724.893.089.707	791.669.394.621

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	746.632.546	634.145.905
Lãi tiền gửi ngân hàng	44.459.929	807.267.988
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	209.254.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.237.475.825	1.232.647.761
	5.028.568.300	2.883.315.654

26. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	12.516.450.033	13.325.610.780
Lỗ chênh lệch tỷ giá	640.976.676	8.847.630.888
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(681.235.129)
Khác	-	316.554
	13.157.426.709	21.492.323.093

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí hoa hồng	4.949.429.509	1.635.633.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.166.465.716	1.770.062.183
Chi phí nhân viên	560.215.682	597.742.740
Chi phí khấu hao	538.604.206	430.333.251
Chi phí bán hàng khác	279.465.753	471.539.987
	<hr/>	<hr/>
	7.494.180.866	4.905.312.041
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.813.048.751	8.942.512.003
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.052.044.421	3.611.259.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.396.596.697	2.369.442.303
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.036.097.329	2.622.994.403
Chi phí khấu hao	975.755.478	1.304.599.226
Chi phí dự phòng	754.285.670	404.600.327
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.783.123.463	3.487.293.804
	<hr/>	<hr/>
	23.810.951.809	22.742.701.537
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác	25.000.000.000	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	5.000.000	16.675.607
Thu nhập khác	59.269.201	13.636.363
	<hr/>	<hr/>
	25.064.269.201	30.311.970

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	598.931.224.971	621.175.646.844
Chi phí nhân công	71.192.942.664	65.551.144.485
Chi phí khấu hao	43.659.264.323	40.721.175.675
Chi phí khác	78.335.709.503	70.919.656.487
	<hr/>	<hr/>

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.458.944.828	8.351.446.124
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	786.028.695	4.829.371.684
	<hr/>	<hr/>
	15.244.973.523	13.180.817.808

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	71.036.882.930	37.765.036.406
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.207.376.586	7.553.007.281
Chi phí không được khấu trừ thuế	251.568.242	679.076.986
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	119.361.857
Dự phòng thiếu trong những năm trước	786.028.695	4.829.371.684
	15.244.973.523	13.180.817.808

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 20%.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

32. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Cán trừ khoản cổ tức phải thu và phải trả với công ty liên quan	800.000.000	1.000.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày phải thu/(phải trả)	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty con				
Công ty cổ phần May Việt Thắng				
Bán thành phẩm	1.946.682.981	3.655.145.212	874.450.318	461.741.427
Ký quỹ thuê nhà	-	-	(25.000.000)	(25.000.000)
Thu nhập cho thuê	958.276.364	895.396.364	-	-
Thu nhập khác	3.334.749.309	3.026.456.502	-	-
Mua hàng hóa	82.989.532	437.938.971	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	2.613.438.000
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An				
Bán thành phẩm	1.292.105.400	494.697.400	-	-
Doanh thu dịch vụ khác	609.368.440	368.058.848	-	-
Mua hàng hóa	14.927.712.627	18.111.365.671	-	-
Mua hàng gia công	43.159.926.517	46.852.660.508	(11.410.467.539)	(12.060.255.177)
Mua khác	183.708.178	278.658.805	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày phải thu/(phải trả)	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty liên doanh và liên kết				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Doanh thu cho thuê	502.560.000	750.000.000	-	-
Doanh thu dịch vụ khác	1.525.844.820	1.301.372.746	1.003.408.338	944.365.623
Phân phối cổ tức	-	-	-	(800.000.000)
Nhận cổ tức	-	-	1.330.922.000	2.630.922.000
Cho vay	2.000.000.000	-	-	-
Lãi cho vay	9.458.334	-	-	-
Phí dịch vụ khác	189.582.520	-	-	-
Mua hàng hóa	-	139.613.760	-	-
Các công ty liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm và hàng hóa	34.263.668.564	51.910.415.359	-	-
Bán dụng cụ và phụ tùng	3.134.955.750	2.562.631.510	-	-
Doanh thu cho thuê	2.536.022.728	2.530.022.728	-	-
Doanh thu dịch vụ khác	916.258.589	393.303.870	-	-
Mua hàng hóa	245.975.162.276	228.983.028.395	(18.148.857.273)	(22.941.861.281)
Phí dịch vụ khác	1.345.265.720	-	-	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.000.000	-	-	-
Lãi trả chậm	-	384.894.168	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	1.080.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày phải thu/(phải trả)	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam				
Phân phối cổ tức	-	-	-	(19.710.000.000)
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam				
Mua hàng hóa	-	580.561.174	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương				
Bán thành phẩm	21.171.714.200	20.028.770.540	11.158.154.339	7.100.882.915
Doanh thu gia công	-	160.450.500	-	-
Dịch vụ gia công	1.283.978.225	124.660.625	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú				
Bán thành phẩm	3.397.355.561	-	3.012.892.189	1.389.836.006
Doanh thu gia công	1.046.785.100	396.047.675	-	-
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP				
Bán thành phẩm	1.315.844.100	1.356.285.900	100.775.070	117.647.145
Doanh thu gia công	6.057.450	5.682.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang – CTCP				
Bán thành phẩm	1.918.785.999	1.401.280.529	364.470.672	180.837.415

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày phải thu/(phải trả)	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	-	266.095.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định				
Chi phí đất trả thay	79.725.656.870	-	(79.725.656.870)	-
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác	25.000.000.000	-	-	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý				
Lương và thưởng	2.050.800.000	2.042.000.000	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2015
	VND	VND
	(phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	877.978.614.793	859.834.762.137
Giá vốn hàng bán	791.669.394.621	774.843.352.769
Thu nhập khác	30.311.970	18.174.164.626
Chi phí khác	2.221.438.819	19.047.480.671

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc